

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi 001

Câu 41. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở?

- A. Lãnh hải. B. Nội thủy.
C. Vùng đặc quyền về kinh tế. D. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 42. Người lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm sản xuất nhất trong lĩnh vực

- A. công nghiệp. B. thương mại. C. du lịch. D. nông nghiệp.

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp Lào?

- A. Đắk Lắk. B. Điện Biên. C. Nghệ An. D. Thanh Hóa.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Gâm. B. Sông Chảy. C. Sông Mã. D. Sông Lô.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?

- A. Ngân Sơn. B. Hoàng Liên Sơn. C. Pu Đen Đinh. D. Trường Sơn Bắc.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Quảng Trị.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Bái Tử Long. B. Bến En. C. Tràm Chim. D. Kon Ka Kinh.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Phúc Yên. B. Bắc Ninh. C. Hải Phòng. D. Hà Nội.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết chè được trồng nhiều ở các tỉnh nào sau đây?

- A. Kon Tum, Gia Lai. B. Lâm Đồng, Đắk Lắk.
C. Gia Lai, Đắk Lắk. D. Lâm Đồng, Gia Lai.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

- A. Thủ Dầu Một. B. Vũng Tàu. C. Biên Hòa. D. Quy Nhơn.

Câu 51. So với nhóm nước phát triển, nhóm nước đang phát triển có dân số

- A. trẻ và đông hơn. B. trẻ và ít hơn. C. già và đông hơn. D. già và ít hơn.

Câu 52. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á?

- A. Khí hậu nóng ẩm. B. Khoáng sản nhiều loại.
C. Đất trồng đa dạng. D. Rừng ôn đới phổ biến.

Câu 53. Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

- A. Gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. Gió phơn Tây Nam. D. Gió mùa Tây Nam.

Câu 54. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với cơ cấu kinh tế nước ta?

- A. Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
B. Ngành nông nghiệp đang có tỉ trọng thấp nhất trong cơ cấu.
C. Kinh tế Nhà nước đóng vai trò thứ yếu trong nền kinh tế.
D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

Câu 55. Điều kiện thuận lợi nổi bật để xây dựng các cảng biển nước sâu ở nước ta là

- A. vùng biển rộng. B. thềm lục địa rộng.
C. bờ biển kéo dài. D. vịnh biển có nhiều.

Câu 61. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?

- A. Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán. B. Số dân đông, mật độ cao nhất cả nước.
C. Tài nguyên đất, nước trên mặt xuống cấp. D. Có đầy đủ khoáng sản cho công nghiệp.

Câu 62. Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là

- A. tăng cường giao lưu kinh tế giữa các huyện đảo.
B. giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.
C. hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển.
D. tạo hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

Câu 63. Phát biểu nào sau đây đúng với vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta?

- A. Ranh giới cố định theo thời gian. B. Đã được hình thành từ rất lâu đời.
C. Có cơ cấu kinh tế không thay đổi. D. Hội tụ được đầy đủ các thế mạnh.

Câu 64. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

- A. Tỷ trọng rất nhỏ trong toàn ngành công nghiệp.
B. Quy mô giá trị sản xuất các trung tâm đều lớn.
C. Các ngành chế biến chính tương đối đa dạng.
D. Tập trung dày đặc nhất ở ven biển miền Trung.

Câu 65. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nông nghiệp Nhật Bản?

- A. Có vai trò thứ yếu trong kinh tế. B. Diện tích đất nông nghiệp ít.
C. Ứng dụng nhiều công nghệ hiện đại. D. Chăn nuôi còn kém phát triển.

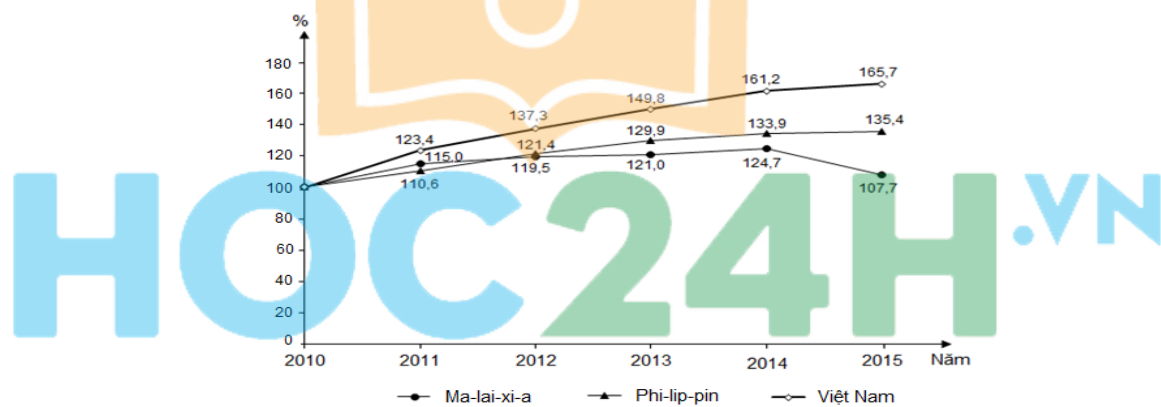
Câu 66. Trung Quốc **không** áp dụng biện pháp nào sau đây trong quá trình cải cách nông nghiệp?

- A. Sử dụng các công nghệ sản xuất mới. B. Giao quyền sử dụng đất cho nông dân.
C. Tập trung vào tăng thuế nông nghiệp. D. Xây dựng các công trình thủy lợi lớn.

Câu 67. Một số nước Đông Nam Á có tốc độ tăng trưởng công nghiệp nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. mở rộng thu hút đầu tư nước ngoài. B. tăng cường khai thác khoáng sản.
C. phát triển mạnh các hàng xuất khẩu. D. nâng cao trình độ người lao động.

Câu 68. Cho biểu đồ về GDP/người của một số quốc gia qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP/người của một số quốc gia qua các năm.
B. Quy mô GDP/người của một số quốc gia qua các năm.
C. Quy mô và cơ cấu GDP/người của một số quốc gia qua các năm.
D. Tốc độ tăng trưởng GDP/người của một số quốc gia qua các năm.

Câu 69. Xu hướng nổi bật nhất của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là

- A. ứng dụng tiên bộ khoa học và kỹ thuật. B. đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.
C. tăng tỉ trọng sản phẩm không giết thịt. D. phát triển mạnh dịch vụ về giống, thú y.

Câu 70. Điều kiện thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là có

- A. diện tích mặt nước lớn ở các đồng ruộng. B. nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.
C. nhiều đầm phá và các cửa sông rộng lớn. D. nhiều bãi triều, ô trũng ngập nước.

Câu 71. Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng chuyên môn hóa sản xuất lúa chủ yếu do có

- A. đất phù sa màu mỡ, nhiệt ẩm dồi dào, nguồn nước phong phú.
B. nguồn nước phong phú, nhiệt ẩm dồi dào, nhiều giống lúa tốt.
C. nhiều giống lúa tốt, đất phù sa màu mỡ, có một mùa mưa lớn.
D. nhiệt ẩm dồi dào, có nhiều giống lúa tốt, đất phù sa màu mỡ.

Câu 72. Nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho cơ cấu ngành của công nghiệp nước ta tương đối đa dạng?

- A. Sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp ngày càng sâu.
- B. Trình độ người lao động ngày càng được nâng cao.
- C. Nguồn nguyên, nhiên liệu nhiều loại và phong phú.
- D. Nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia sản xuất.

Câu 73. Ý nghĩa lớn nhất của hoạt động xuất khẩu đối với phát triển kinh tế - xã hội nước ta là

- A. thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ.
- B. nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.
- C. góp phần vào hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.
- D. giảm chênh lệch phát triển nông thôn với đô thị.

Câu 74. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Tạo động lực cho vùng phát triển công nghiệp khai thác.
- B. Góp phần giảm thiểu lũ lụt cho đồng bằng sông Hồng.
- C. Làm thay đổi đời sống của đồng bào dân tộc ít người.
- D. Tạo việc làm tại chỗ cho người lao động ở địa phương.

Câu 75. Vai trò quan trọng của rừng đặc dụng ở Bắc Trung Bộ là

- A. ngăn chặn nạn cát bay và cát chảy.
- B. cung cấp nhiều lâm sản có giá trị.
- C. hạn chế tác hại các cơn lũ đột ngột.
- D. bảo tồn các loài sinh vật quý hiếm.

Câu 76. Vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhất trong ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đầu tư phương tiện và tập trung đánh bắt.
- B. đào tạo lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.
- C. khai thác hợp lý và bảo vệ các nguồn lợi.
- D. phát triển nuôi trồng và đẩy mạnh chế biến.

Câu 77. Việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây nguyên có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Giải quyết việc làm cho nhiều người lao động.
- B. Thúc đẩy hình thành nông trường quốc doanh.
- C. Cung cấp sản phẩm cho nhu cầu ở trong nước.
- D. Tạo ra khối lượng nông sản lớn cho xuất khẩu.

Câu 78. Trong việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ cần phải quan tâm đến những vấn đề về môi trường, chủ yếu do

- A. tăng trưởng nhanh sản xuất công nghiệp.
- B. tăng nhanh và đa dạng hoạt động dịch vụ.
- C. phân bố rộng của sản xuất nông nghiệp.
- D. tập trung đông dân cư vào các thành phố.

Câu 79. Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô ở Đồng bằng sông Cửu Long trong việc cải tạo tự nhiên, vì rất cần thiết cho

- A. thau chua và rửa mặn đất đai.
- B. hạn chế nước ngầm hạ thấp.
- C. ngăn chặn sự xâm nhập mặn.
- D. tăng cường phù sa cho đất.

Câu 80. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN
CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	Giá trị xuất khẩu (triệu đô la Mỹ)
2010	5 143	2 728	5 017
2013	6 020	3 216	6 693
2014	6 333	3 413	7 825
2015	6 582	3 532	6 569

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Miền.
- C. Kết hợp.
- D. Cột.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành trong khi làm bài thi.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.